TÒA ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2024
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ toạ phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Sinh Tụ

2. Ông Lê Đình Hiệp

* **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Phan Thị Ngọc Huyền - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên**: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2024, tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 175/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 03 năm 2024 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXX- ST ngày 03/5/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Dương Thị Tuyết N, sinh năm 1978**. Có mặt

HKTT: Tổ 15, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Tổ dân phố C, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn: Anh Lê Quang Đ, sinh năm 1970**. Có mặt

HKTT và nơi ở: Tổ 15, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Dương Thị Tuyết N trình bày*:** Chị và anh Lê Quang Đ kết hôn năm 2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tích Lương (nay là phường Tích Lương), thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà riêng tại tổ 15, phường TL, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung là Lê Kiều L, sinh ngày 13/11/2012 và Lê Thị H, sinh ngày 03/11/2000. Sau khi kết hôn khoảng 05 năm, chồng chị thường xuyên say rượu, có hành vi đe dọa, đánh đập mẹ con chị nên đến năm 2016 chị đã mang theo hai con chuyển về nhà mẹ đẻ tại tổ dân phố Cầu, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống, được khoảng một tháng thì anh Đ xuống nhà đón cháu L về sống với anh Đ. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị N khai, vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị H, sinh ngày 03/11/2000 và Lê Kiều L, sinh ngày 13/11/2012. Con đầu đã trưởng thành nên chị không đề nghị giải quyết, chị có nguyện vọng nuôi cháu Lê Kiều L và không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị đang sinh sống cũng bố mẹ đẻ tại tổ dân phố Cầu, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, chị được bố mẹ đẻ tặng cho riêng thửa đất số 2307, tờ bản đồ 13 diện tích 213,2 m^2 có địa chỉ tại phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, chị đang làm công nhân tại công ty SHINWON EBENEZER HANOI có trụ sở tại thành phố Sông Công, mức thu nhập bình quân là 6.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra, chị N khai trong quá trình cháu L sống với anh Đ thì anh Đ thường xuyên uống rượu say về thì đánh đập cháu. Đầu năm 2023, anh Đ đánh cháu L tím cả mặt, mắt, gây ra tâm lý lo sợ cho cháu, chị đã chụp lại hình ảnh cháu L bị đánh giao nộp cho Tòa. Ngày 03/9/2023, anh Đ còn gọi điện dọa đánh giết chị, chị đã ghi âm cuộc điện thoại này và sao lưu ra USB cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra chị còn nghe thấy hàng xóm phản ánh, anh Đ còn có những hành động không đúng chuẩn mực của người làm bố với con gái trong khi say rượu. Anh Đ ngăn cản, không cho chị thăm nom hay đón cháu L đi chơi hoặc về chỗ chị ở. Chị N đề nghị được trực tiếp chăm sóc cháu L để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu

Tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quang Đ tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa trình bày: Anh công nhận lời khai của chị N về thời gian kết hôn là đúng. Vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn từ năm 2005 nhưng đỉnh điểm là năm 2014, nguyên nhân do chị N có biểu hiện mê tí dị đoan không kiểm soát được, hay đến những nơi như Đền, Phủ tế lễ, không tập trung làm ăn, trong cuộc sống gia đình có những lời nói xúc phạm chồng và gia tiên nhà chồng làm anh bị tổn thương về tâm lý. Chị N đi đâu làm gì không nói với anh, mang cả bìa đỏ của gia đình đi theo. Đến năm 2014, chị N bỏ về nhà mẹ đẻ ở Sông Công sinh sống cùng con gái lớn là Lê Thị H, anh và con gái út là Lê Kiều L thì sống tại phường TL, thành phố TN. Vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị N đề nghị ly hôn anh đồng ý.

Về con chung, anh Đ khai vợ chồng có hai con chung là Lê Thị H, sinh ngày 03/11/2000 và Lê Kiều L, sinh ngày 13/11/2012. Con đầu đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh có nguyện vọng nuôi cháu Lê Kiều L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác và không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Cháu L ở cùng anh từ lúc chị N bỏ nhà đi từ năm 2014, cháu L được hơn 2 tuổi. Anh làm nghề tự do (công việc chính là thợ mộc) và có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, anh có thời gian chăm sóc và đưa đón con học hành. Về nơi ở: Ngôi nhà hiện nay bố con anh đang sinh sống tại tổ 15, phường TL, thành phố TN là tài sản riêng của anh, do anh mua và xây dựng từ năm 1999 trước khi cưới chị N. Vợ chồng anh không có công nợ chung, tài sản chung.

Sau khi khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị N giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh Đ, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Kiều L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Không đề nghị giải quyết với cháu Hương do cháu đã trưởng thành; công nợ chung không có, tài sản chung tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết. Anh Đ tranh luận, đồng ý ly hôn với chị N; đề nghị được nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị N cấp dưỡng; tài sản chung, công nợ chung không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Tuyết N, cho chị N được ly hôn với anh Lê Quang Đ. Về con chung: giao con chung Lê Kiều L, sinh ngày 13/11/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng do các bên không yêu cầu. Đối với con chung là Lê Thị H đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Công nợ chung không có, tài sản chung không giải quyết do các bên không yêu cầu. Buộc chị N nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Tuyết N và anh Lê Quang Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, chị N cho rằng nguyên nhân do anh Đ thường xuyên say rượu, có hành vi đe dọa, đánh đập mẹ con chị nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Anh Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị N có biểu hiện mê tí dị đoan, hay đến những nơi như Đền, Phủ tế lễ, không tập trung làm ăn, trong cuộc sống gia đình có những lời nói xúc phạm chồng và gia tiên nhà chồng nên vợ chồng xảy ra cãi vã, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Dương Thị Tuyết N và anh Lê Quang Đ có hai con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 03/11/2000 và cháu Lê Kiều L, sinh ngày 13/11/2012.

Cháu H đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Đối với cháu L, chị N và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không đề nghị cấp dưỡng. Về điều kiện nuôi con: chị N khai hiện đang làm công nhân tại Công ty SHINWON EBENEZER HANOI, trụ sở tại thành phố Sông Công, mức thu nhập bình quân là 6.500.000 đồng/tháng, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ và có đất đai do bố mẹ cho, đủ điều kiện để chăm sóc cho cháu L. Anh Đ khai, anh đã nuôi cháu L từ khi cháu L mới hơn 02 tuổi, anh làm nghề tự do với thu nhập của anh là 7.000.000 đồng / tháng, có nhà riêng và điều kiện chăm sóc con. Cháu L trong đơn trình bày nguyện vọng và tại phiên tòa khai cháu mong muốn được ở với mẹ.

Ngoài ra, theo lời khai của chị N, anh Đ thường xuyên say rượu, đánh đập và có hành động không đúng chuẩn mực của người làm bố với cháu L. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường Tích Lương được cung cấp thông tin: Công an phường Tích Lương có tiếp nhận bản tường trình của cháu Lê Kiều L phản ánh việc anh Đ thường xuyên say rượu và có hành vi đánh đập cháu có lần tím hết mắt, mặt. Công an phường và tổ dân phố cũng xác nhận có nghe dư luận phản ánh về việc anh Đ có hành vi đánh đập và hành động không đúng chuẩn mực với cháu L. Công an phường Tích Lương và tổ dân phố đề nghị Tòa án giao cháu L cho mẹ đẻ là chị N nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu.

Hội đồng xét xử thấy anh Đ và chị N đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, căn cứ điều kiện nuôi con của chị N, anh Đ, nguyện vọng của cháu L, kết quả xác minh tại địa phương, thấy cháu L đang trong độ tuổi dậy thì có sự thay đổi mạnh mẽ về tâm sinh lý nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu L cần thiết phải giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị N không yêu cầu.

Đối với những thông tin phản ánh của dư luận về hành vi không đúng chuẩn mực của anh Đ với cháu L, Hội đồng xét xử đề nghị Công an phường Tích Lương xác minh, xem xét, trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm hình sự thì kiến nghị Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung không đề nghị giải quyết.

5. Về án phí: Chị N phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Tuyết N. Cho chị Dương Thị Tuyết N được ly hôn với anh Lê Quang Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Kiều L, sinh ngày 13/11/2012 cho chị N trực nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Đối với cháu Lê Thị H, sinh ngày 03/11/2000 đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Anh Đ được quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do chị N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Công nợ chung không có, tài sản chung không nghị giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Án phí: Chị Dương Thị Tuyết N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002680 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi NĐ, BĐ cư trú;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân